

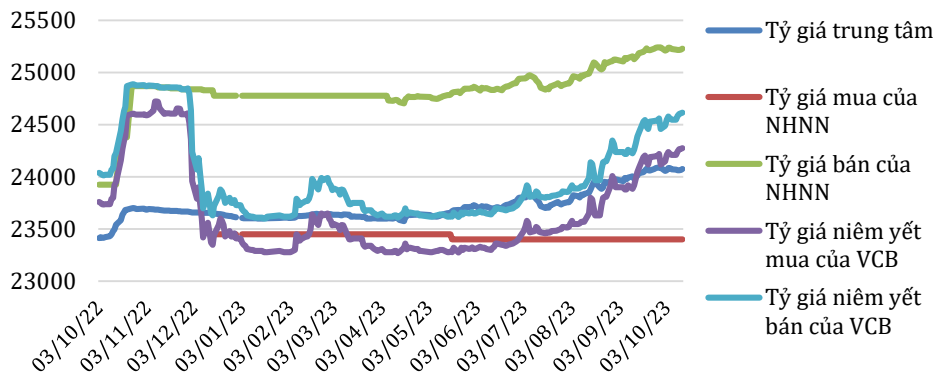
BẢN TIN THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH, TIỀN TỆ, NGOẠI HỐI

Tuần từ 09/10 – 13/10

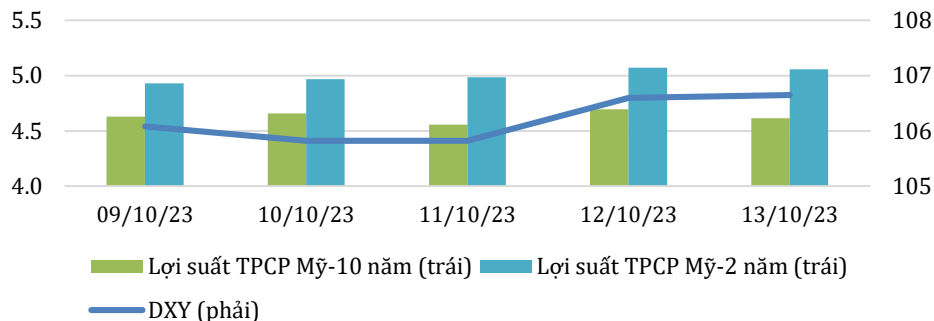
PHÒNG KINH DOANH VỐN

1 | Thị trường ngoại hối

DIỄN BIẾN TỶ GIÁ USD/VND TRONG NƯỚC



DXY & LỢI SUẤT TPCP MỸ



1, TIN TRONG NƯỚC

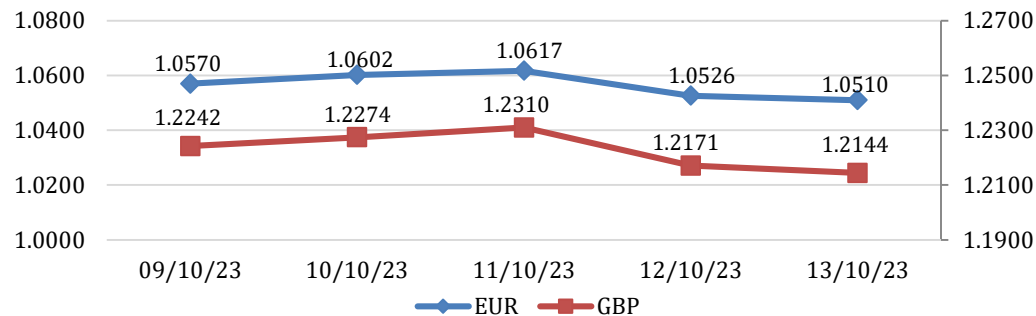
- Tỷ giá trung tâm (USD/VND) đóng cửa phiên ngày thứ 6 ở mức 24.077, tăng 8 đồng so với phiên đầu tuần và tăng 3 đồng so với phiên ngày thứ 6 tuần trước. Tỷ giá bán giao ngay (USD/VND) của NHNN trong phiên ngày thứ 6 được niêm yết ở mức 25.230, tăng 3 đồng so với phiên giao dịch cuối tuần trước.
- Tỷ giá mua - bán chuyển khoản tại Vietcombank (USD/VND) trong phiên ngày 6 ở mức 24.275 - 24.615, tăng 65 đồng ở cả chiều mua và chiều bán so với phiên ngày thứ 6 tuần trước.
- Dự báo: Tuần sau, tỷ giá niêm yết USD/VND của VCB nhiều khả năng tăng dần trong bối cảnh đồng USD quốc tế duy trì sức mạnh, đồng thời nhu cầu USD của khách hàng dự kiến ở mức tương đối cao.

2, TIN QUỐC TẾ

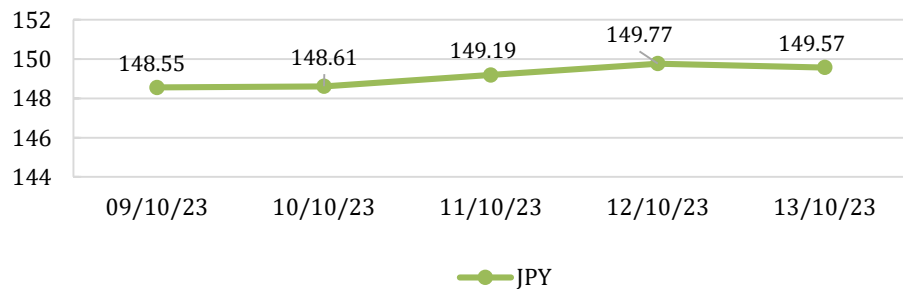
a) Mỹ

- Kết thúc phiên ngày thứ 6, chỉ số DXY tăng 0,57% so với phiên ngày thứ 6 tuần trước (từ mức 106,04 lên 106,65) trong bối cảnh thị trường gia tăng kỳ vọng FED sẽ tiếp tục tăng lãi suất điều hành vào cuối năm nay, khi lạm phát của Mỹ vẫn ở mức cao:
 - CPI tháng 9 tăng 0,4% so với tháng 8 và 3,7% so với cùng kỳ năm 2022, cao hơn kỳ vọng là 0,3% (MoM) và 3,6% (YoY).
 - PPI đạt mức tăng 0,5% so với tháng 8 và 2,2% so với cùng kỳ năm 2022 trong tháng 9, cao hơn mức dự báo 0,3% (MoM) và 1,6% (YoY).

DIỄN BIẾN TỶ GIÁ EUR/USD & GBP/USD



DIỄN BIẾN TỶ GIÁ USD/JPY



b) Châu Âu

- Tỷ giá EUR/USD giảm 0,72% so với phiên thứ 6 tuần trước (từ mức 1,0586 về mức 1,0510), chủ yếu do sự tăng giá của đồng USD so với các ngoại tệ lớn khác.

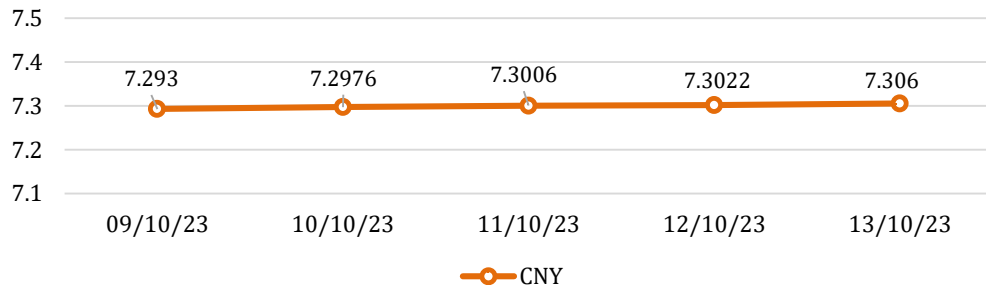
c) Anh

- Tỷ giá GBP/USD giảm 0,86% so với phiên cuối tuần trước (từ mức 1,2238 về 1,2134), mặc dù GDP của Anh ghi nhận tăng trưởng 0,2% trong tháng 8, khi sản lượng công nghiệp của Anh giảm mạnh hơn kỳ vọng, đồng thời kết hợp với sự mạnh lên của đồng USD.

d) Nhật Bản

- Tỷ giá USD/JPY tăng 0,17% so với phiên thứ 6 tuần trước (từ mức 149,32 lên 149,57), tiếp tục tiệm cận đến mức kỳ vọng can thiệp 150, khi đồng USD tăng giá sau dữ liệu CPI tháng 9 của Mỹ.

DIỄN BIẾN TỶ GIÁ USD/CNY



e) Trung Quốc

- Tỷ giá USD/CNY tăng 0,03% so với cuối phiên làm việc cuối cùng trước tuần nghỉ lễ (từ 7,3040 lên 7,3060), khi số liệu xuất nhập khẩu tháng 9 của Trung Quốc vẫn còn khá tiêu cực (xuất khẩu và nhập khẩu đều giảm 6,2%), tuy nhiên mức giảm này đã thấp hơn so với tháng trước đó, cho thấy có dấu hiệu nền kinh tế Trung Quốc dần ổn định.

Một số sự kiện đáng chú ý diễn ra trong tuần tới (16/10/2023 – 20/10/2023): Một số dữ liệu kinh tế quan trọng được công bố:

- 17/10/2023:
 - Mỹ công bố Doanh thu bán lẻ tháng 9.
 - Trung Quốc công bố GDP Quý III/2023 và sản lượng công nghiệp tháng 9.
- 18/10/2023: EU, Anh công bố CPI tháng 9.
- 19/10/2023:
 - Anh công bố Doanh thu bán lẻ tháng 9.
 - Nhật công bố CPI toàn quốc tháng 9.
 - NHTW Trung Quốc công bố quyết định lãi suất điều hành.

2 | Thị trường tiền tệ trong nước

Hình thức GD	Kỳ hạn (ngày)	Khối lượng (tỷ VND)		Chênh lệch
		09/10 – 13/10/2023	02/10 – 06/10/2023	
OMO reverse repo (1)	7	0	0	0
	28	0	0	0
Tín phiếu (2)	7	0	0	0
	28	65.000	46.900	0
Đến hạn Tín phiếu (3)		0	0	0
Đến hạn OMO (4)		0	0	0
Chênh lệch (5) = (1)-(2)+(3)-(4)		65.000	-46.900	

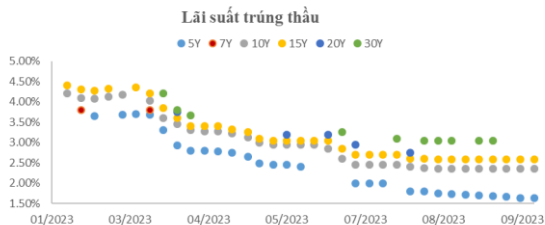
Diễn biến thị trường:

- Trong tuần 09 – 13/10/2023, mặt bằng lãi suất giao dịch trên thị trường LNH ít biến động và duy trì ở mức thấp khi thanh khoản VND trong hệ thống vẫn ở mức dư thừa. Theo đó, trung bình lãi suất các kỳ hạn ON – 1W giao dịch quanh mức 0,5 – 0,8%/năm . Lãi suất tại các kỳ hạn dài 1M – 3M giao dịch quanh mức 1,5 - 3,3%/năm.
- Trên thị trường mở, trong tuần NHNN đã hút 65.000 tỷ đồng qua kênh tín phiếu với kỳ hạn 28 ngày, lãi suất từ 0,68% tới 1,00%/năm. Số dư tín phiếu tính tới hết ngày 13/10 là 205.700 tỷ đồng. Kênh OMO tiếp tục được NHNN chào kỳ hạn 7 ngày với lãi suất 4,00%/năm nhưng không có TCTD nào tham gia đấu thầu.

Dự báo:

- Dự kiến trong tuần tới, NHNN sẽ tiếp tục duy trì hút tiền qua kênh tín phiếu với khối lượng có thể lên tới 20.000 tỷ đồng/phiên. Theo đó, mặt bằng lãi suất giao dịch trên thị trường LNH dự báo sẽ biến động tăng ở các kỳ hạn ngắn dưới 1M.

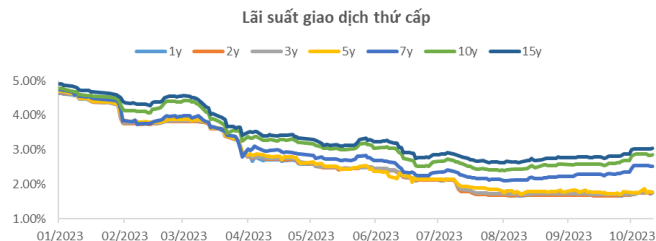
3 | Thị trường trái phiếu



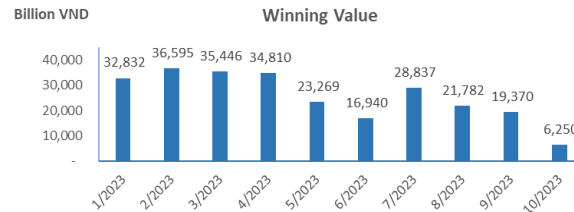
Tuần qua, KBNN phát hành thành công 4.000 tỷ VND trong số 4.500 tỷ VND gọi thầu ở các kỳ hạn 5, 10 và 15 năm. Lãi suất trúng thầu kỳ hạn 5 năm giảm 1bp, trong khi kỳ hạn 10 năm và 15 năm tăng 2 bps.

Thị trường thứ cấp

Thị trường thứ cấp tiếp tục giao dịch trầm lắng. Lực cung và lực cầu tương đối cân bằng khiến mặt bằng lợi suất đi ngang so với tuần trước đó.



Thị trường sơ cấp



Dự báo:

Tuần tới – từ 16/10/2023, dự kiến mặt bằng lợi suất TPCP biến động trong biên độ từ 1-8bps.
1-3 năm: 1,60 – 1,80%/năm; 5 năm: 1,65 – 1,85%/năm;
7 năm: 2,50 – 2,60%/năm; 10 năm: 2,80 – 2,95%/năm;
15 năm: 3,00 – 3,15%/năm.

4 | Thị trường hàng hóa

- Nhóm hàng Cà phê:

+ Giá 2 mặt hàng cà phê ghi nhận mức tăng lần lượt 1,22% với Robusta và 6,05% với Arabica. Khối lượng giao dịch khá cao trên mức trung bình.

+ Xuất khẩu cà phê tại Brazil bất ngờ giảm mạnh trong tháng 9 tại Brazil kết hợp cùng việc đồng Real mạnh lên đã hỗ trợ giá cà phê.

+ Theo Hiệp hội CECAFE, Brazil đã xuất đi 3,02 triệu bao cà phê nhân, thấp hơn trong cùng kỳ năm 2022 cũng như trong tháng 8. Cùng với đó, xuất khẩu cà phê Arabica giảm mạnh khoảng 20% so với cùng kỳ năm trước. Giá cà phê Arabica dao động ở mức thấp là nguyên nhân chính khiến hoạt động xuất khẩu suy yếu.

+ Tính chung cả tuần, theo dữ liệu báo cáo hàng ngày của ICE , tồn kho Robusta và Arabica đang giảm sâu, tiếp tục hỗ trợ giá cà phê trong thời gian tới.

Nông sản	Mã	06/10/2023	13/10/2023	% thay đổi
Cà phê Robusta	LRCX23	2359	2388	+1,22%
Cà phê Arabica	KCEZ23	146,05	154,90	+6,05%
Ngô	ZCEZ23	492	493,20	+0,24%
Đậu tương	ZSEX23	1266,00	1280,20	+1,12%
Lúa mì	ZWAZ23	568,25	579,75	+2,02%
Bông	CTEZ23	87,14	86,06	-1,24%
Đường	SBEV23	26,74	27,04	+1,12%

- Nhóm hàng Ngũ cốc:

+ Giá Ngô ghi nhận mức tăng nhẹ: USDA báo cáo mức xuất khẩu lũy kế là 3,48 triệu tấn – tăng 55% so với năm ngoái.

+ Giá Đậu tương hồi phục 1,68%, kết thúc chuỗi 6 tuần liên tiếp suy yếu. Báo cáo WASDE đã cắt giảm dự báo năng suất đậu tương niên vụ 23/24 của Mỹ, cùng với hạ dự báo xuất khẩu đậu tương. Tồn kho vẫn được duy trì ở mức 220 triệu giạ, thấp hơn so với dự đoán tăng của thị trường.

+ Giá Lúa mì tăng khoảng 2%: nguồn cung tại Argentina chịu ảnh hưởng bởi hạn hán kéo dài đã hỗ trợ giá lúa mì. Theo báo cáo Export Sales, doanh số bán lúa mì tại Mỹ niên vụ 23/24 tăng 138,7% so với tuần trước đó.

- Nhóm hàng Nông sản khác:

+ Bông suy yếu với mức giảm 1,24%. Chỉ số DXY vẫn ở mức cao, đồng USD vẫn còn mạnh khiến bông trở nên đắt đỏ với khách hàng nắm giữ các loại tiền tệ khác.

+ Giá đường No 11 tăng 1,12%: giá dầu thô tăng cao làm hạn chế khả năng gia công đường tại Brazil, kết hợp với lo ngại sản lượng đường thấp tại Ấn Độ đã thúc đẩy giá đi lên. Trước đó, tập đoàn UNICA đã nhận định, hoạt động sản xuất đường nửa đầu tháng 10 tại Brazil sẽ yếu đi do mưa.

Kim loại và Năng lượng	Mã	06/10/2023	13/10/2023	% thay đổi
Đồng COMEX	CPEV23	3.6245	3.8000	+4,84%
Đồng LME	CAD	8046	7991	-0,68%
Nhôm LME	AHD	2239.5	2200	-1,76%
Quặng sắt SGX	FEFV23	117.56	117.73	+0,14%
Dầu thô WTI	CLEX23	82.79	87.69	+5,92%
Dầu thô Brent	QOZ23	84.58	90.89	+7,46%

- Nhóm hàng Kim loại:

+ Giá hai mặt hàng đồng Comex và đồng LME thay đổi lần lượt ở mức tăng 4,84% và giảm 0,68%. Giá đồng chịu sức ép khi đồng USD mạnh lên làm giảm sức mua đồng, đồng thời tình hình tiêu thụ kém tại Trung Quốc là một lực cản lớn, bất chấp mùa tiêu thụ cao điểm đang diễn ra.

+ Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 9 của Mỹ tăng 0,4% so với tháng trước, cao hơn 0,1 điểm % so với dự báo. Dữ liệu này cho thấy lạm phát tại Mỹ tăng cao hơn dự đoán, khiến gia tăng lo ngại FED sẽ tiếp tục tăng lãi suất để kiềm chế lạm phát về mức 2%.

- Nhóm hàng Năng lượng:

+ Giá dầu thô lấy lại đà tăng mạnh sau tuần giảm giá trước đó. Diễn biến căng thẳng mới giữa Israel và Hamas làm dấy lên lo sợ về một cuộc chiến tại khu vực Trung Đông. Đây là trung tâm sản xuất và vận chuyển dầu lớn trên thế giới. Điều này đã thúc đẩy lực mua mạnh mẽ trên thị trường.

+ Ngoài ra, dự báo của các tổ chức lớn trên thế giới cho thấy nguy cơ nguồn cung tiếp tục thâm hụt trong quý IV cũng đẩy giá dầu lên cao.

+ Dữ liệu theo dõi tàu Bloomberg cho thấy xuất khẩu dầu Nga bằng đường biển cũng giảm mạnh trong tuần trước, với khoảng 3,23 triệu thùng/ngày, giảm khoảng 490.000 thùng mỗi ngày so với bảy ngày trước đó.

+ Đối với nguồn cung tại Mỹ, tăng thêm 3 giàn lên mức 622 giàn đang hoạt động trong tuần kết thúc ngày 13/10. Tuy nhiên, số lượng giàn khoan dầu vẫn ở vùng thấp kể từ tháng 12/2022.

Lưu ý sử dụng thông tin

Tài liệu này chỉ phục vụ mục đích tham khảo, VCB không chịu trách nhiệm về bất kỳ tổn thất nào gây ra do việc sử dụng thông tin trên đây, Các thông tin trong tài liệu này có thể thay đổi theo diễn biến của thị trường và VCB không có trách nhiệm phải thông báo về những sự thay đổi này, Tài liệu này là sản phẩm và tài sản của VCB, Các hành vi sao chép sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của VCB đều là trái luật,

*Thông tin liên hệ: Phòng Kinh doanh vốn – Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Tầng 6 Tòa nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: 84 - 4 - 3934 3137 (0348, 0306)
Reuters code: VCBH
Email: kdv@vietcombank.com.vn*